

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày: 05/02/2021;
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai;

Ông Đặng Văn Tần;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hồng Công – Kiểm sát viên;

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 69/2020/TLST- DS, ngày 09 tháng 11 năm 2020; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST – DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam.

Địa chỉ: 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Sơn Tùng - Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam; có mặt;

(Theo Giấy ủy quyền số 432-03/2020/UQ –TCB ngày 22/5/2020)

* **Bị đơn:** Anh Dương Hồng L, sinh năm 1971; vắng mặt;

Chị Đặng Thị B, sinh năm 1974; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn V 3, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Chu Thị T, sinh năm 1948; vắng mặt;

- Anh Đặng Cao N, sinh năm 1991; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn V 2, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/3/2011 anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B vay vốn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là Techcombank) theo Hợp đồng tín dụng số: 42449/HĐTD/TH-TN/TCB/ĐO-GVO ngày 17/3/2011; Số tiền vay: 1.700.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ bảy trăm triệu đồng); Số tiền Techcombank giải ngân: 1.700.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 42449 ngày 17/3/2011, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 19,5%, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 6%/năm nhưng không thấp hơn mức cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng tại cùng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng tương ứng với thời điểm thay đổi lãi suất.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B, ông Đặng Cao Khôi và bà Chu Thị T đã thế chấp tài sản là: Thửa đất số 158, tờ bản đồ số 3, diện tích 203m² tại thôn V 3, xã P, huyện T, Thành phố Hà Nội cho Ngân hàng. Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1262/2011/HĐTC-TCB ngày 14/3/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng Long, Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Techcombank.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng Techcombank khởi kiện yêu cầu anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B thực hiện nghĩa vụ trả nợ như sau:

1. Buộc anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B trả Techcombank số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng, tạm tính đến hết ngày 05/02/2021 là:

Nợ gốc: 1.029.954.707 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 1.104.280.511 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 1.134.511.296 đồng;

Tổng nợ: 3.268.746.514 đồng;

Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm mười bốn đồng.

2. Buộc anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/01/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Quý Tòa tuyên Ngân hàng được quyền tự phát mại hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản mà ông Đặng Cao Khôi và bà Chu Thị T đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Techcombank.

Đối với khoản tiền lãi phạt là 1.644.846.761 đồng Ngân hàng tự nguyện xin rút không yêu cầu anh L, chị B trả.

****Bị đơn anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B trình bày:***

Năm 2011, anh L, chị B có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Techcombank; số tiền Ngân hàng đã giải ngân là 1.700.000.000 đồng (bằng chữ: một tỷ bảy trăm triệu đồng), để bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của anh L, chị B; ông Đặng Cao Khôi và bà Chu Thị T (là bố mẹ chị B) có thế chấp cho Ngân hàng Thửa đất số 158, tờ bản đồ số 3, diện tích 203m² tại thôn V 3, xã P, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Về nội dung của Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và quá trình thực hiện hợp đồng như nguyên đơn trình bày là đúng.

Nay do kinh tế khó khăn, anh L, chị B không có điều kiện trả nợ, đề nghị Ngân hàng giãn nợ cho anh, chị trong thời hạn 2 năm để anh, chị thu xếp trả nợ.

****Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/11/2020 bà Chu Thị T trình bày:***

Năm 2011, vợ chồng bà có thế chấp cho Ngân hàng Techcombank thửa đất số 158, tờ bản đồ số 3, diện tích 203m² tại thôn V 3, xã P, huyện T, Hà Nội để bảo lãnh cho khoản vay của anh Dương Hồng L, chị Đặng Thị B.

Ông Đặng Cao Khôi đã chết ngày 17/6/2018, hiện trên đất chỉ có bà và con trai là Đặng Cao N đang sinh sống trên thửa đất thế chấp.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh L, chị B trả và xử lý tài sản thế chấp thì bà đề nghị Ngân hàng cho anh L, chị B thêm thời gian để thu xếp trả nợ.

Anh Đặng Cao N đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh N không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và trốn tránh không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng:Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh N đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố T trốn tránh, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Theo tài liệu do Nguyên đơn cung cấp thì giữa Ngân hàng Techcombank với anh Dương Hồng L, chị Đặng Thị B có giao kết Hợp đồng tín dụng. Theo đó, Ngân hàng Techcombank có cho vợ chồng anh L, chị B vay số tiền gốc là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện Hợp đồng bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L, chị B trả nợ là có căn cứ.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản do Ngân hàng cung cấp thì ông Đặng Cao Khôi và Chu Thị T đã thế chấp tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay của anh L, chị B; việc thế chấp được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp anh L, chị B không trả nợ.

Áp dụng các Điều 299, 319, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam khởi kiện yêu cầu anh Dương Hồng Luận, chị Đặng Thị B trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng. Hiện anh Dương Hồng Luận, chị Đặng Thị B có địa chỉ tại xã P, huyện T, Thành phố Hà Nội. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có địa chỉ tại huyện T. Căn cứ Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng pháp luật.

Bị đơn và anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ.

[2]. *Về nội dung:* Ngân hàng thương mại TMCP Kỹ thương Việt Nam yêu cầu anh Dương Hồng Luận, chị Đặng Thị B trả nợ số tiền tạm tính đến hết ngày **05/01/2021** (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) là: 3.268.746.514 đồng. Yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp ông L, bà B không trả nợ.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, yêu cầu phản tố.

[3] *Về yêu cầu trả nợ gốc, lãi và lãi phát sinh:*

Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn thừa nhận năm 2011 có vay tiền Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

Theo Hợp đồng Hợp đồng tín dụng số: 42449/HĐTD/TH-TN/TCB/ĐO-GVO ngày 17/3/2011 và Khế ước nhận nợ số 42449 ngày 17/3/2011 thì Ngân hàng Techcombank đã cho anh Dương Hồng L, chị Đặng Thị B vay số tiền là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 19.5%/năm (lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần), thời hạn là 120 tháng; về nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật tổ các tổ chức tín dụng năm 2011. Do đó, Hợp đồng tín dụng có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của giữa các bên kể từ ngày ký và ngày bên vay nhận số tiền vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh L, chị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (không trả nợ gốc và lãi). Vì vậy, ngân hàng Techcombank khởi kiện yêu cầu anh L, chị B trả nợ là có căn cứ, phù với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Theo bảng tính lãi do phía Nguyên đơn cung cấp, thì tính đến hết ngày 05/02/2021 anh Dương Hồng L, chị Đặng Thị B còn nợ ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam số tiền là: 3.268.746.514 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.029.954.707 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.104.280.511 đồng; lãi quá hạn: 1.134.511.296 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng có điều chỉnh lãi suất theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Do vậy, buộc anh Dương Hồng L, chị Đặng Thị B trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam số tiền trên là có căn cứ.

Anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 06/02/2021 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng Hợp đồng tín dụng số: 42449/HĐTD/TH-TN/TCB/DDO-GVO ngày 17/3/2011.

Đối với khoản tiền lãi phạt tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xin rút không yêu cầu anh L, chị B trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1262/2011/HĐTC-TCB ngày 14/3/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng Long, Thành phố Hà Nội. Ông Đặng Cao Khôi và bà Chu Thị T là bố mẹ đẻ chị B đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng tài sản thuộc sở hữu của mình là quyền sử dụng thửa đất số 158, tờ bản đồ số 3, diện tích 203m² tại thôn V 3, xã P, huyện T, Thành phố Hà Nội. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T.

Hợp đồng thế chấp được ký trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005, điểm c, khoản 1 Điều 10 và điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo

đảm nên có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm ký kết và ngày đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và chủ tài sản thừa nhận ông Khôi, bà T có thể chấp tài sản cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của anh L, chị B với Ngân hàng Techcombank và không ai có ý kiến gì về các Hợp đồng thế chấp. Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba đều có đầy đủ chữ ký của bên thế chấp và bên nhận thế chấp, Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Thăng Long, Thành phố Hà Nội đồng thời bên thế chấp cũng đã làm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Khôi, bà T với Ngân hàng Techcombank là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Các bên không có phản đối hay có ý kiến gì khác; các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp có hiệu lực kể từ ngày ký kết, đăng ký giao dịch bảo đảm. Tại Điều 4 của các Hợp đồng thế chấp tài sản các bên thỏa thuận Ngân hàng Techcombank có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của bên vay. Nay anh L, chị B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng Techcombank yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật, được Tòa án chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5]. **Về án phí:** Anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B phải chịu 97.374.900 đồng (chín mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm; Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6]. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 95, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Bộ luật dân sự;

Áp dụng các Điều 290, 342, 343, 351, 355, 471, 474, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị

định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 14 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Buộc anh Dương Hồng L, chị Đặng Thị B trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam số tiền còn nợ của Hợp đồng Hợp đồng tín dụng số: 42449/HĐTD/TH-TN/TCB/ĐO-GVO ngày 17/3/2011 tính đến ngày 05/02/2021 là:

Nợ gốc: 1.029.954.707 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 1.104.280.511 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 1.134.511.296 đồng;

Tổng nợ: 3.268.746.514 đồng;

Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm mười bốn đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng Techcombank về khoản tiền lãi phạt.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 3, diện tích 203m² tại thôn V 3, xã P, huyện T, Thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 759889, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : H.01336/QSDĐ/248/QĐ – UB do UBND huyện T cấp ngày 09/3/2007 cho ông Đặng Cao Khôi và bà Chu Thị T). Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1262/2011/HĐTC-TCB ngày 14/3/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng Long, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp toàn bộ khối tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mại mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam thì anh Dương Hồng L, chị Đặng Thị B tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh L, chị B còn phải chịu lãi khoản tiền lãi (tính từ ngày 06/01/2021) trên số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng Hợp đồng tín dụng số: 42449/HĐTD/TH-TN/TCB/ĐO-GVO ngày 17/3/2011 cho đến khi trả hết nợ.

5. Về án phí: Anh Dương Hồng L và chị Đặng Thị B phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 97.374.900 đồng (chín mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là: 56.250.000 đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Theo biên lai thu số AA/2016/0011764 ngày 01 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS ND huyện T;
- Chi cục thi hành án DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS ND huyện T;
- Chi cục thi hành án DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA